TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 6 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 06, 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hữu K vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; chị Lê Thị Kiều O vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu K và chị Lê Thị Kiều O tự nguyện tìm hiểu hơn 6 tháng, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào cuối năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2004 tại UBND thị trấn T. Sau khi cưới thì anh K và chị O sống tại nhà riêng tại khóm T, thị trấn T, huyện T. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị O thường xuyên bỏ nhà đi mà không nói cho anh K biết lý do, khi anh K gọi điện thoại thì chị O nói đi làm xa, khi nào chị O về nhà thì cho anh K hay biết sau. Từ đầu năm 2021 đến nay thì chị O thường xuyên, liên tục đi đi về về mà không trao đổi, nói chuyện với anh K, không chăm lo gia đình, nhà cửa, chồng con; anh K và chị O mỗi người tự kiếm tiền, tự tiêu xài mà không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh K đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị O không thay đổi. Hiện nay anh K không còn tình cảm với chị O, không muốn hàn gắn với chị O nên anh K yêu cầu ly hôn với chị O.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hữu K và chị Lê Thị Kiều O có con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/5/2001, Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 29/11/2003; hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, đã tự đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu K tự thỏa thuận với chị Lê Thị Kiều O, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Lê Thị Kiều O* : Chị O vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị O vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của chị O đối với yêu cầu khởi kiện của anh K.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy căn cước công dân của anh Nguyễn Hữu K (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);

- Trích lục kết hôn (Bản sao);

- Giấy khai sinh (Bản sao);

- Bản tự khai ngày 20/5/2024 của anh Nguyễn Hữu K (Bản chính);

- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 20/5/2024 của anh Nguyễn Hữu K (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là

"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn chị Lê Thị Kiều O cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị Kiều O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị O theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu K yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Kiều O.

Hôn nhân giữa anh K và chị O được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên là hôn nhân hợp pháp. Anh K xác định trong quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị O thường xuyên đi đi về về mà không trao đổi, nói chuyện với anh K, không chăm lo gia đình, nhà cửa, chồng con; anh K và chị O mỗi người tự kiếm tiền, tự tiêu xài mà không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh K đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị O không thay đổi.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Hiện nay, anh K xác định anh K không còn tình cảm với chị O, không muốn hàn gắn với chị O nên anh K yêu cầu ly hôn với chị O. Chị O đã được Tòa án thông báo về phiên họp – hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho anh chị hòa giải đoàn tụ, nhưng chị O không đến, cho thấy chị O không muốn hàn gắn, đoàn tụ với anh K. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh K và chị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn*

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Do đó, anh Nguyễn Hữu K yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Kiều O là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh K xác định trong thời gian chung sống thì anh K và chị O có con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/5/2001, Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 29/11/2003; hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, đã tự đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị O không có trình bày ý kiến, yêu cầu về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K xác định tự thỏa thuận với chị O về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị O không có trình bày ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị Lê Thị Kiều O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu K.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu K được ly hôn với chị Lê Thị Kiều O.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hữu K và chị Lê Thị Kiều O có con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 15/5/2001, Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 29/11/2003; hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, anh K và chị O không có yêu cầu về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu K và chị Lê Thị Kiều O không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hữu K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006424 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh K đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Kiều O không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND TT. Thanh Bình (Đăng ký kết hôn số 46, ngày 24/6/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang